

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
VNECO9**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 41

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO9 ("Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (Công ty và công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 ("Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 37300127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi sau đó.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4200580651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 4.100.000.000 đồng và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 01 năm 2015 là 78.479.290.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 06 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058 3525 404

Fax: 058 3522 394

Email: [info@vneco9.com](mailto:info@vneco9.com)

Website: <http://www.vneco9.com>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạn tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;
- Dịch vụ nhà đất;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng các mặt hàng trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bia rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Vận chuyển khách du lịch đường thủy;
- Vận chuyển khách du lịch đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ massage và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đến ngày 31/12/2014, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 311 người (31/12/2013: 134 người).

Trong năm 2014, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, xây lắp các công trình nguồn điện, và kinh doanh khách sạn.



### Thông tin chung (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- ▶ Văn phòng giao dịch tại thành phố Hồ Chí Minh  
Địa chỉ: Số 22-24, đường 52, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Khách sạn Xanh Nha Trang  
Địa chỉ: Số 06 đường Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty con và công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết như sau:

Công ty con:

- ▶ Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang  
Trụ sở chính đặt tại 44 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty liên kết:

- ▶ Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA  
Trụ sở chính: Nhà máy nước khoáng Tu Bông, xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

## 2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong suốt năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Chí Linh	Chủ tịch	01 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Duyệt	Phó Chủ tịch/ Giám đốc	01 tháng 5 năm 2012
Bà Vũ Thị Thanh Nga	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012
Ông Hồ Văn Quang	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Cải	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012

### Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Thương	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2010
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2012
Ông Đặng Văn Nguyên	Thành viên	Ngày 31 tháng 3 năm 2008

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Duyệt	Giám đốc	Ngày 03 tháng 5 năm 2012
Ông Trương Văn Sanh	Phó Giám đốc	Ngày 03 tháng 5 năm 2012
Ông Thái Bá Tuấn	Phó Giám đốc	Ngày 03 tháng 5 năm 2012
Ông Lê Ngọc Anh	Kế toán trưởng	Ngày 03 tháng 5 năm 2012

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Sự kiện quan trọng trong năm**

**Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu**

Theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-VNECO9 ngày 31 tháng 3 năm 2014 về việc phê duyệt Tờ trình của HĐQT tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, lợi nhuận trong năm 2013 cổ tức do phân phối từ lợi nhuận sau thuế của kết quả kinh doanh trong năm 2013 sẽ được chi trả bằng cổ phiếu.

Tiến trình chi trả cổ tức bằng cổ phiếu như sau:

Ngày 01 tháng 12 năm 2014 Công ty thực hiện gửi thông báo số: 1041/TB-CNVSD về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Theo thông báo này ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12 tháng 12 năm 2014.

Ngày 02 tháng 12 năm 2014 theo Công văn số: 36/VE9 Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ngày 17 tháng 12 năm 2014 theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số: 37/VE9-BCPH kết quả phát hành cổ phiếu:

Số cổ phiếu đã phân phối: 647.841 CP

Số cổ đông được phân phối: 587 cổ đông

Tổng số cổ phiếu hiện tại (ngày 12 tháng 12 năm 2014):

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.847.929
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200580651, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp:

- Vốn điều lệ: 78.479.290.000 VND.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.
- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 7.847.929 cổ phần tương đương 78.479.290.000 VND.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Tập đoàn được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**NGUYỄN VĂN DUY**  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Số: 226/2015/BCKTHN-HCM.00561

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:      Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc  
                  Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 3 năm 2014.



**BUI TUYẾT VÂN**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

**TRẦN THỊ HOÀNG YÊN**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>65.149.998.055</b>	<b>108.541.221.700</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>17.295.891.603</b>	<b>16.314.218.979</b>
Tiền	111		17.295.891.603	16.314.218.979
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>23.635.813.299</b>	<b>74.768.719.917</b>
Phải thu khách hàng	131	5.2	20.279.726.750	39.915.585.413
Trả trước cho người bán	132	5.3	1.850.466.860	5.894.204.152
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	2.600.363.652	29.843.663.730
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5.5	(1.094.743.963)	(884.733.378)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.494.390.133</b>	<b>10.613.627.105</b>
Hàng tồn kho	141	5.6	12.038.219.416	11.157.456.388
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(543.829.283)	(543.829.283)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.723.903.020</b>	<b>6.844.655.699</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	310.888.567	66.610.831
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.19	3.780.264.262	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.9	8.632.750.191	6.778.044.868

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>427.766.763.168</b>	<b>71.840.307.473</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>413.628.217.162</b>	<b>30.903.732.139</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	392.446.833.071	10.005.273.048
Nguyên giá	222		410.306.048.802	19.952.766.457
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.859.215.731)	(9.947.493.409)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	20.176.384.091	19.893.459.091
Nguyên giá	228		20.243.184.091	19.960.259.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.800.000)	(66.800.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12	1.005.000.000	1.005.000.000
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.657.853.995</b>	<b>40.592.227.251</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	5.407.853.995	40.342.227.251
Đầu tư dài hạn khác	258	5.14	250.000.000	250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.480.692.011</b>	<b>344.348.083</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.15	8.480.692.011	344.348.083
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>492.916.761.223</b>	<b>180.381.529.173</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>347.013.070.051</b>	<b>98.354.701.285</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>96.584.854.253</b>	<b>97.719.801.785</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	46.740.694.693	27.429.570.996
Phải trả cho người bán	312	5.17	21.277.325.523	15.411.598.890
Người mua trả tiền trước	313	5.18	5.431.701.468	8.839.949.902
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.19	3.251.220.798	6.793.166.418
Phải trả công nhân viên	315	5.20	3.879.110.330	1.107.991.335
Chi phí phải trả	316	5.21	12.684.056.658	11.244.635.977
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.22	2.911.389.839	26.615.247.323
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.23	409.354.944	277.640.944
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>250.428.215.798</b>	<b>634.899.500</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.24	218.050.000	218.050.000
Vay và nợ dài hạn	334	5.25	250.190.165.798	416.849.500
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		20.000.000	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>88.196.038.722</b>	<b>82.026.827.888</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.26	<b>88.196.038.722</b>	<b>82.026.827.888</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		78.479.290.000	72.000.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		270.000.000	270.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		579.050.700	369.050.700
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.513.184.781	1.325.863.927
Quỹ dự phòng tài chính	418		978.644.529	768.644.529
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.375.868.712	7.292.388.732
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	5.26	<b>57.707.652.450</b>	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>492.916.761.223</b>	<b>180.381.529.173</b>


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9


06 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại	5.1	-	-
Dollar Mỹ (USD)		20.308,91	1.741,18
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

  
HỒ NGỌC QUỐC THÁI  
Người lập biểu

  
LÊ NGỌC ANH  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN VĂN DUYỆT  
Giám đốc

TP. Nha Trang, ngày 20 tháng 03 năm 2015







**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		136.075.047.185	131.505.579.123
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>136.075.047.185</b>	<b>131.505.579.123</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>104.599.471.046</b>	<b>104.254.019.631</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>31.475.576.139</b>	<b>27.251.559.492</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	147.891.471	335.807.799
Chi phí tài chính	22	6.4	17.236.033.848	3.504.709.665
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.220.970.495	3.504.709.665
Chi phí bán hàng	24	6.5	1.145.728.708	34.881.355
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	11.046.004.280	9.763.481.901
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.195.700.774</b>	<b>14.284.294.370</b>
Thu nhập khác	31	6.7	3.307.608.124	75.084.415
Chi phí khác	32	6.8	235.598.334	2.820.894.705
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.072.009.790</b>	<b>(2.745.810.290)</b>
<b>Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>306.604.879</b>	<b>(89.522.098)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.574.315.443</b>	<b>11.448.961.982</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	2.284.270.145	3.600.373.226
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	400.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.290.045.298</b>	<b>7.448.588.756</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	6.10	(3.331.545.536)	-
Các cổ đông của Công ty mẹ	62		6.621.590.834	7.448.588.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	915	1.035

  
**HỒ NGỌC QUỐC THÁI**  
 Người lập biểu

  
**LÊ NGỌC ANH**  
 Kế toán trưởng



  
**NGUYỄN VĂN DUYỆT**  
 Giám đốc

TP. Nha Trang, ngày 20 tháng 03 năm 2015

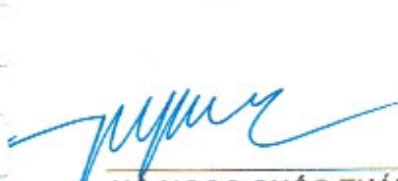



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.574.315.443	11.448.961.982
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.911.722.322	989.982.960
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	210.010.585	51.386.847
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(16.502.269)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	665.466.202	(273.558.428)
Chi phí lãi vay	06	17.220.970.495	3.504.709.665
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>31.565.982.778</b>	<b>15.721.483.026</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.986.054.896	(42.736.806.824)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(880.763.028)	4.685.107.899
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.956.022.395	15.039.743.280
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(7.262.563.116)	1.266.982.716
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.723.861.516)	(3.584.725.437)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.700.000.000)	(2.095.362.397)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.630.000.000	165.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.418.286.000)	(440.692.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.152.586.409</b>	<b>(11.979.269.737)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(72.678.187.923)	(275.972.300)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	27.272.727
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	598.120.637	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.797.485	335.807.799
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(72.034.269.801)</b>	<b>87.108.226</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	227.990.105.672	72.896.756.182
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(162.823.199.125)	(63.888.382.519)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.320.052.800)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>60.846.853.747</b>	<b>9.008.373.663</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>965.170.355</b>	<b>(2.883.787.848)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>16.314.218.979</b>	<b>19.198.006.827</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16.502.269	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>17.295.891.603</b>	<b>16.314.218.979</b>

  
HỒ NGỌC QUỐC THÁI  
Người lập biểu

  
LÊ NGỌC ANH  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN VĂN DUY  
Giám đốc

TP. Nha Trang, ngày 20 tháng 03 năm 2015



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 ("Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 37300127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi sau đó.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4200580651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 4.100.000.000 đồng và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 01 năm 2015 là 78.479.290.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 06 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058 3525 404

Fax: 058 3522 394

Email: [info@vneco9.com](mailto:info@vneco9.com)

Website: <http://www.vneco9.com>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạn tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;
- Dịch vụ nhà đất;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng các mặt hàng trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bia rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Vận chuyển khách du lịch đường thủy;
- Vận chuyển khách du lịch đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ massage và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đến ngày 31/12/2014, tổng số nhân viên của tập đoàn là 311 người (31/12/2013: 134 người).

Trong năm 2014, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, xây lắp các công trình nguồn điện, và kinh doanh khách sạn.



#### **Thông tin chung (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- ▶ Văn phòng giao dịch tại thành phố Hồ Chí Minh  
Địa chỉ: Số 22-24, đường 52, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Khách sạn Xanh Nha Trang  
Địa chỉ: Số 06 đường Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty con và công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết như sau:

Công ty con:

- ▶ Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang  
Trụ sở chính: Số 44 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty liên kết:

- ▶ Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA  
Trụ sở chính: Nhà máy nước khoáng Tu Bông, xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp; Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") và các quy định pháp lý hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

## **3. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng năm tài chính theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty. Các báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo VND.

Các công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó.



## **CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại ra trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Việc mua lại phần lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mở rộng quyền sở hữu của công ty mẹ, theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của phần được mua trong tài sản thuần được ghi nhận như khoản lợi thế thương mại.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty (Công ty và công ty con) được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của Công ty cho tới khi phần lỗ trước đây do Công ty gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

### **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.



#### **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND lại theo tỷ giá Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm cuối năm (tỷ giá: 21.380 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.6 Các khoản đầu tư**

##### **Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.



#### **Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

##### **Dự phòng giảm giá đầu tư**

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

#### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các Báo cáo tài chính hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	07 - 10 năm
Phần mềm	03 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao



#### **4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### **4.10 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **4.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí trước hoạt động, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ trong thời gian 24 – 36 tháng kể từ khi phát sinh.

#### **4.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **4.13 Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh sự đánh giá hiện tại của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

#### **4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.15 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.



#### 4.16 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

#### 4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: cổ phiếu do Tập đoàn phát hành được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các khoản chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định pháp luật hiện hành.

#### 4.18 Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



#### **Doanh thu (tiếp theo)**

Kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn cả 4 (bốn) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng, và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể ước tính một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- (b) Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- (c) Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- (d) Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- (b) Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

#### **4.19 Thu nhập khác**

Tiền lãi được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.



#### 4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### 4.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhật Linh	Việt Nam	Công ty thuộc sở hữu Chủ tịch HĐQT

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.845.280.432	1.089.630.334
Tiền gửi ngân hàng - VND	15.013.552.475	15.187.896.438
Tiền gửi ngân hàng - USD	434.204.496	36.692.207
Tiền đang chuyển - VND	2.854.200	-
	<b>17.295.891.603</b>	<b>16.314.218.979</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 20.308,91 USD tương đương 434.204.496 VND.

## 5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Nhật Linh	6.425.147.885	25.589.426.815
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	8.952.200.621	7.951.054.509
Công ty Lưới điện cao thế Miền Nam	-	189.105.470
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt Nam	1.002.356.000	-
PGS International Limited	625.270.928	-
Công ty TNHH Du lịch Quốc tế Nhật Minh	195.800.000	-
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA	11.515.000	11.515.000
Các khách hàng khác	3.067.436.316	6.174.483.619
	<b>20.279.726.750</b>	<b>39.915.585.413</b>

## 5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Tân Thành	-	1.005.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thẩm len Quang Minh	-	707.572.250
Xí nghiệp Xây lắp điện Nha Trang	-	706.476.500
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hải Tâm	-	696.144.926
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện tử COSMO	-	637.910.000
Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Mỹ Trần	302.000.000	-
Công Ty TNHH Thiết Bị Điện LIOA	231.963.436	-
Các nhà cung cấp khác	1.316.503.424	2.141.100.476
	<b>1.850.466.860</b>	<b>5.894.204.152</b>

## 5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang - cho mượn	-	28.316.000.000
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA - chi hộ	410.142.619	374.154.019
Công ty TNHH Nước khoáng Tu Bông - chi hộ	526.703.900	371.992.800
Phải thu tạm ứng các nhân viên nghỉ việc	310.361.419	310.361.419
Phải thu về cổ phần hóa	42.700.000	51.450.000
Tiền lãi phải thu các cổ đông	301.723.582	-
Ban quản lý dự án Hòn Dồi - chi hộ	500.000.000	-
Phải thu khác	508.732.132	419.705.492
	<b>2.600.363.652</b>	<b>29.843.663.730</b>

## 5.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	884.733.378	833.346.531
Trích lập trong năm	291.449.638	51.386.847
Hoàn nhập trong năm	(81.439.053)	-
Số dư cuối năm	<b>1.094.743.963</b>	<b>884.733.378</b>



**Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (tiếp theo)**

**Chi tiết các khoản trích lập theo thời hạn nợ**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự phòng nợ phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	18.061.406
Dự phòng nợ phải thu khó đòi quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	41.286.775
Dự phòng nợ phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm	1.094.743.963	825.385.197
	<b>1.094.743.963</b>	<b>884.733.378</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.935.575.686	2.324.716.766
Công cụ, dụng cụ	74.684.999	257.869.999
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.701.071.043	8.549.806.219
Hàng hóa	326.887.688	25.063.404
	<b>12.038.219.416</b>	<b>11.157.456.388</b>

**5.7 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	543.829.283	543.829.283
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<b>543.829.283</b>	<b>543.829.283</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	261.721.130	66.610.831
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	49.167.437	-
	<b>310.888.567</b>	<b>66.610.831</b>

**5.9 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng cho nhân viên	8.587.621.764	6.248.044.868
Tài sản thiếu chờ xử lý	45.128.427	-
Ký quỹ bảo lãnh	-	530.000.000
	<b>8.632.750.191</b>	<b>6.778.044.868</b>

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2014	13.792.272.579	2.569.539.693	3.498.943.579	92.010.606	-	19.952.766.457
Tăng trong năm	3.433.853.085	139.500.000	2.089.827.273	-	-	5.663.180.358
Đầu tư hoàn thành	329.739.568.300	49.719.644.604	2.379.075.710	63.500.000	2.788.313.373	384.690.101.987
Vào ngày 31/12/2014	<b>346.965.693.964</b>	<b>52.428.684.297</b>	<b>7.967.846.562</b>	<b>155.510.606</b>	<b>2.788.313.373</b>	<b>410.306.048.802</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2014	4.726.240.855	2.449.051.148	2.706.383.084	65.818.322	-	9.947.493.409
Khấu hao trong năm	4.928.049.185	2.022.342.404	257.909.177	9.455.537	693.966.019	7.911.722.322
Vào ngày 31/12/2014	<b>9.654.290.040</b>	<b>4.471.393.552</b>	<b>2.964.292.261</b>	<b>75.273.859</b>	<b>693.966.019</b>	<b>17.859.215.731</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2014	9.066.031.724	120.488.545	792.560.495	26.192.284	-	10.005.273.048
Vào ngày 31/12/2014	<b>337.311.403.924</b>	<b>47.957.290.745</b>	<b>5.003.554.301</b>	<b>80.236.747</b>	<b>2.094.347.354</b>	<b>392.446.833.071</b>
Trong đó:						
Nguyên giá tài sản khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	346.351.202	2.279.121.852	2.497.814.536	80.010.606		5.203.298.196
Nguyên giá tài sản khấu hao hết chờ thanh lý	-	173.417.820	-	-		173.417.820
Giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp	337.311.403.924	47.738.837.014	4.252.707.516	-		389.302.948.454



**5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất dài hạn	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2014	19.893.459.091	66.800.000	19.960.259.091
Tăng từ hợp nhất	282.925.000	-	282.925.000
Vào ngày 31/12/2014	<b>20.176.384.091</b>	<b>66.800.000</b>	<b>20.243.184.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2014	-	66.800.000	66.800.000
Tăng trong năm			
Vào ngày 31/12/2014	-	<b>66.800.000</b>	<b>66.800.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2014	19.893.459.091	-	19.893.459.091
Vào ngày 31/12/2014	<b>20.176.384.091</b>	-	<b>20.176.384.091</b>
Trong đó:			
Giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp	20.176.384.091	-	20.176.384.091
Nguyên giá tài sản khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	66.800.000	66.800.000

Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất do Công ty sở hữu bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 527, tờ bản đồ số 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, có nguyên giá là 1.688.400.000 VND.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, địa chỉ số 06, đường Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có nguyên giá là 17.184.150.000 VND. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Khánh Hòa.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 22 - 24 đường số 52, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, có nguyên giá 1.020.909.091 VND. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa.
- Quyền sử dụng đất của lô đất số 11/8E và số 11E/9 đường Nguyễn Thiện Thuật phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa do Công ty mua lại với mục đích tăng thêm diện tích xây dựng dự án Khách sạn Xanh Nha Trang.

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí mua đất (*)	1.005.000.000	1.005.000.000
	<b>1.005.000.000</b>	<b>1.005.000.000</b>

(\*) Chi phí mua lô đất tại thửa đất số 530, tờ bản đồ số 02, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6640 lập ngày 21 tháng 03 năm 2011. Hiện tại, các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty vẫn đang được tiến hành.

### 5.13 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	-	34.888.276.203
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA	5.407.853.995	5.453.951.048
	<b>5.407.853.995</b>	<b>40.342.227.251</b>

Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Nhật Linh, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9, ông Nguyễn Chí Linh và ông Trần Trọng Thắng. Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201185735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 26 tháng 5 năm 2010.

Trụ sở chính : Nhà máy nước khoáng Tu Bồng, xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100 tỷ VND, trong đó Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 đăng ký góp 20 tỷ VND (tương đương 20% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Sản xuất lắp ráp sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Buôn bán sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Mua bán các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Sản xuất và mua bán nước khoáng đóng chai; nước khoáng nguyên liệu; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.

Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang trở thành công ty con của Công ty từ ngày 31 tháng 5 năm 2014.

### 5.14 Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng	31/12/2014 Giá trị VND	Số lượng	01/01/2014 Giá trị VND
Cổ phiếu - Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chồ (mệnh giá 10.000 VND/CP)	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
		<b>250.000.000</b>		<b>250.000.000</b>

### 5.15 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.217.041.038	77.081.433
Chi phí trước hoạt động	1.218.522.433	-
Chi phí sửa chữa	328.946.568	267.266.650
Chi phí khác	2.716.181.972	-
	<b>8.480.692.011</b>	<b>344.348.083</b>



**5.16 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
• MB Bank Khánh Hòa (I)	1.343.280.011	3.378.162.000
• HD Bank Khánh Hòa (II)	29.813.692.940	23.912.460.996
• HD Bank Nha Trang (III)	3.363.144.860	-
• Nam A Bank Nha Trang (IV)	2.450.954.882	-
	<b>36.971.072.693</b>	<b>27.290.622.996</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (V)	9.769.622.000	138.948.000
	<b>46.740.694.693</b>	<b>27.429.570.996</b>

(I) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (MB Bank Khánh Hòa) bằng VND theo Hợp đồng tín dụng số 1459.14.800.877987.TD để bổ sung vốn thi công gói thầu 09 xây lắp "công trình phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Cà Mau, Cà Mau 2, Giá Rai, Bạc Liêu 2". Hạn mức vay là 1.600.000.000 VND, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ của các khoản vay là 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất tại 22 - 24 đường số 52, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 4.282.600.000 VND theo hợp đồng bảo đảm số 382.12.800.877987.DB ngày 22/06/2012.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Khánh Hòa như sau:

**Khế ước nhận nợ**

Số	Ngày	Lãi suất	Thời hạn	VND
LD1434023943	05/12/2014	7%/năm	06 tháng	434.280.011
LD1434023945	24/12/2014	7%/năm	06 tháng	162.000.000
LD1434023944	05/12/2014	7%/năm	06 tháng	147.000.000
LD1435973900	25/12/2014	7%/năm	06 tháng	600.000.000
				<b>1.343.280.011</b>

(II) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa (HD Bank Khánh Hòa) bằng tiền VND theo phụ lục Hợp đồng hạn mức số 172/2013/HĐTDHM-DN để bổ sung vốn kinh doanh. Hạn mức vay là 30.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất của các khoản vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh tùy vào từng thời kỳ khác nhau. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, địa chỉ số 06 đường Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ 293735, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CT-01161 ngày 14 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Tổng giá trị tài sản thế chấp được định giá là 130.304.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 172B/2013/HĐTC ký ngày 25 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng thế chấp bổ sung số 172B/2013/HĐTC/PL01 ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa là 29.813.692.94 VND, theo 28 Khế ước nhận nợ với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày nhận nợ.



#### Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(III) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nha Trang ("HD Bank Nha Trang") nhằm bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0155/14/HĐTDHM-DN/044 ngày 12 tháng 9 năm 2014, hạn mức vay là 5 tỷ VND, lãi suất vay 8,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, địa chỉ số 06 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ293735 và được vào sổ số CT-01161 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14 tháng 3 năm 2012 cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Tổng giá trị tài sản bảo đảm tiền vay là 130.304.000.000 VND.

(IV) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ("NamA Bank Nha Trang") nhằm bổ sung vốn kinh doanh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0522/2014/401 ngày 21 tháng 11 năm 2014, hạn mức vay 5 tỷ VND, lãi suất vay theo Hợp đồng là 10%/năm và được điều chỉnh theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

(V) Xem Thuyết minh mục 5.25

#### 5.17 Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 11	3.240.669.885	5.983.376.896
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ An Biên	-	1.392.135.679
Công ty TNHH Mần Đẹp	470.690.000	1.602.237.416
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Trí Sơn	225.215.350	987.855.000
Công ty TNHH Nhật Linh	-	932.440.874
Công Ty cổ Phần Xây Dựng Điện VNECO1	3.175.034.991	-
Công Ty cổ phần HYPER T&T	941.127.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Hoàng Hưng	1.502.618.770	117.755.344
Công ty TNHH Song mây Đức Thành	1.238.629.500	-
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta	958.470.155	-
Các nhà cung cấp khác	9.524.869.872	4.395.797.681
	<b>21.277.325.523</b>	<b>15.411.598.890</b>

#### 5.18 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ban Quản lý Dự án các công trình Điện Miền Nam	2.621.912.598	8.169.338.242
Công ty Lưới điện cao thế Miền Nam	849.205.307	117.156.660
Công ty TNHH Dầu Chân - Chi nhánh Huế	108.000.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo Chiếc Mũ Bạc	285.000.000	-
Các khách hàng khác	1.567.583.563	553.455.000
	<b>5.431.701.468</b>	<b>8.839.949.902</b>



#### 5.19 Thuế

##### *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.437.897.929	3.676.348.379
Thuế thu nhập doanh nghiệp	369.812.698	2.289.603.202
Thuế thu nhập cá nhân	294.504.236	23.137.816
Thuế và các khoản phải nộp khác	149.005.935	804.077.021
	<b>3.251.220.798</b>	<b>6.793.166.418</b>

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

#### 5.20 Phải trả công nhân viên

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả lương nhân viên	3.879.110.330	1.107.991.335
	<b>3.879.110.330</b>	<b>1.107.991.335</b>

#### 5.21 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay phải trả	541.527.474	44.418.495
Trích trước giá vốn các công trình xây lắp	11.661.672.092	11.200.217.482
Chi phí phải trả khác	480.857.092	-
	<b>12.684.056.658</b>	<b>11.244.635.977</b>

#### 5.22 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	87.684.900	26.965.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.304.314.246	6.487.848
Công ty TNHH Nhật Linh - mượn tiền	-	20.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	2.380.000	4.320.052.800
Phải trả khác	1.517.010.693	2.261.741.675
	<b>2.911.389.839</b>	<b>26.615.247.323</b>

#### 5.23 Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	409.354.944	277.640.944
	<b>409.354.944</b>	<b>277.640.944</b>

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác (tiếp theo)**

Chi tiết biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	277.640.944	87.332.944
Trích lập trong năm	450.000.000	370.000.000
Tặng khác	-	165.000.000
Chi trong năm	(318.286.000)	(344.692.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>409.354.944</b>	<b>277.640.944</b>

**5.24 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	204.750.000	204.750.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.300.000	13.300.000
	<b>218.050.000</b>	<b>218.050.000</b>

**5.25 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn		
• MB Bank Khánh Hòa (I)	1.963.515.500	555.797.500
• HD Bank Khánh Hòa (II)	19.700.000.000	-
• HD Bank Nha Trang (III)	20.000.000.000	-
• Nam A Bank Nha Trang (IV)	217.604.372.298	-
• SHB Khánh Hòa (V)	691.900.000	-
	<b>259.959.787.798</b>	<b>555.797.500</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả		
• MB Bank Khánh Hòa	(408.822.000)	(138.948.000)
• HD Bank Khánh Hòa	(1.200.000.000)	-
• HD Bank Nha Trang	(1.800.000.000)	-
• Nam A Bank Nha Trang	(6.198.000.000)	-
• SHB Khánh Hòa	(162.800.000)	-
	<b>(9.769.622.000)</b>	<b>(138.948.000)</b>
	<b>250.190.165.798</b>	<b>416.849.500</b>

(I) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (MB Bank Khánh Hòa) bao gồm 2 khoản vay:

Khoản vay với số tiền vay là 694.745.500 VND theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 546.12.800.877987.TD ngày 06 tháng 11 năm 2012 để thanh toán tiền mua xe ô tô Pajero Sport G2WD.AT. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân là 16,2%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 24 tháng VND (trả lãi sau) do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh, cộng lãi suất biên 6,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô Pajero Sport G2WD.AT, đăng ký xe số 003119, có tổng giá trị là 994.000.000 VND theo Hợp đồng bảo đảm số 534.12.800.877987.DB ngày 06 tháng 11 năm 2012.



#### **Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

Khoản vay với số tiền vay là 1.600.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1374.14.800.877987.TD ngày 04 tháng 11 năm 2014 để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 8,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 12 tháng VND (lãi trả sau), cộng lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô Toyota, số đăng ký xe 002818, có tổng giá trị là 2.071.000.000 VND theo Hợp đồng đảm bảo số 795.14.800.877987.DB ngày 04 tháng 11 năm 2014.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư nợ vay dài hạn ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (MB Bank Khánh Hòa) là 1.963.515.500 VND, trong đó khoản nợ dài hạn đến hạn trả là 408.822.000 VND.

(II) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nha Trang "HD Bank Khánh Hòa" theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0156B/HĐTDTDH-DN/044 ngày 15 tháng 9 năm 2014 với số tiền vay là 20.000.000.000 VND, mục đích sử dụng vốn vay là cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của HD Bank theo thời gian vay thực tế kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11 địa chỉ số 06 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 130.304.000.000 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa là 19.700.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.200.000.000 VND theo Khế ước nhận nợ số 0156B/14/HĐTDTDH-DN/044/KUNN-01 với lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày nhận nợ (ngày 16 tháng 9 năm 2014).

(III) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nha Trang ("HD Bank Nha Trang") bằng tiền VND để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nha Trang theo Hợp đồng vay số 166/2013/HĐTDTDH-DN ngày 27 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn vay là 10 năm, thời gian ân hạn gốc là 12 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của HD Bank Nha Trang, lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12,5%/năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư nợ vay dài hạn ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nha Trang là 20.000.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.800.000.000 VND.

(IV) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ("Nam A Bank Nha Trang") bằng tiền VND để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nha Trang theo Hợp đồng vay số 0178/2014/401 ngày 27/06/2014, tổng số tiền vay là 230.000.000.000 VND, thời hạn vay là 08 năm, lãi suất theo hợp đồng là 11,5%/năm và được điều chỉnh sau 06 tháng/lần. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này là toàn bộ giá trị công trình trên đất bao gồm máy móc, thiết bị của khách sạn và tài sản hình thành từ vốn vay, thửa đất tọa lạc tại địa chỉ số 11/8E đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 381884 vào sổ số T-01487 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29 tháng 12 năm 2008 cho Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang, thửa đất tọa lạc tại địa chỉ số 11E/9 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 381884 vào sổ số T-02318 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04 tháng 12 năm 2009 cho Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang.

T.N.H.H



## Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Khánh Hòa ("SHB Khánh Hòa") để mua xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo Hợp đồng vay số 01.72/2014/KUNN/SHBKH ngày 26 tháng 3 năm 2014, số tiền vay là 814 triệu VND thời hạn vay là 5 năm, lãi suất vay theo hợp đồng là 12,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô khách hiệu TOYOTA HIACE có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011122, biển số 79B-010.88 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 3 năm 2014.

## 5.26 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

### 5.26.1 Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm (01/01/2013)	72.000.880.000	270.000.000	244.088.185	1.325.863.927	681.159.228	4.842.300.592	79.364.291.932
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	7.448.588.756	7.448.588.756
Trích lập quỹ	-	-	124.962.515	-	87.485.301	(212.447.816)	-
Trích quỹ lập khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(370.000.000)	(370.000.000)
Thủ lao HĐQT	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.320.052.800)	(4.320.052.800)
<b>Số dư cuối năm (31/12/2013)</b>	<b>72.000.880.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>369.050.700</b>	<b>1.325.863.927</b>	<b>768.644.529</b>	<b>7.292.388.732</b>	<b>82.026.827.888</b>
Số dư đầu năm (01/01/2014)	72.000.880.000	270.000.000	369.050.700	1.325.863.927	768.644.529	7.292.388.732	82.026.827.888
Kết chuyển tăng vốn từ cổ tức	6.478.410.000	-	-	-	-	-	6.478.410.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	6.621.590.834	6.621.590.834
Trích lập quỹ	-	-	210.000.000	187.320.854	210.000.000	(607.320.854)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.480.790.000)	(6.480.790.000)
<b>Số dư cuối năm (31/12/2014)</b>	<b>78.479.290.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>-579.050.700</b>	<b>1.513.184.781</b>	<b>978.644.529</b>	<b>6.375.868.712</b>	<b>88.196.038.722</b>

### 5.26.2 Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200580651, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp:

- Vốn điều lệ: 72.000.880.000 VND.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.
- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 7.200.088 cổ phần, tương đương 72.000.880.000 VND.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014 Công ty thực hiện gửi thông báo số: 1041/TB-CNVSD về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Theo thông báo này, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12 tháng 12 năm 2014.



#### Vốn góp chủ sở hữu (tiếp theo)

Ngày 02 tháng 12 năm 2014 theo Công văn số: 36/VE9 Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ngày 17 tháng 12 năm 2014 theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số: 37/VE9-BCPH kết quả phát hành cổ phiếu:

Số cổ phiếu đã phân phối: 647.841 CP  
 Số cổ đông được phân phối: 587 cổ đông  
 Tổng số cổ phiếu hiện tại (ngày 12 tháng 12 năm 2014):  
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.847.929  
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200580651, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp:

- Vốn điều lệ: 78.479.290.000 VND.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.
- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 7.847.929 cổ phần tương đương 78.479.290.000 VND.

#### 5.26.3 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-VNECO9 ngày 31 tháng 3 năm 2014 về việc phê duyệt Tờ trình của HĐQT tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, lợi nhuận trong năm 2013 được phân phối như sau:

		VND
Lợi nhuận năm 2013		7.538.110.854
Trích lập		
Quỹ dự phòng tài chính	2,8%	210.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2,8%	210.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2,5%	187.320.854
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,2%	250.000.000
Thường Ban Điều hành	2,4%	200.000.000
Chia cổ tức (9%) (900VND/CP)	86,0%	6.480.790.000

Cũng theo Nghị quyết trên cổ tức do phân phối từ lợi nhuận sau thuế của kết quả kinh doanh năm 2013 sẽ được chi trả bằng cổ phiếu (Xem Thuyết minh 5.26.2).

#### 5.26.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2014 VND	2013 VND
Vốn góp đầu năm	72.000.880.000	72.000.880.000
Vốn góp tăng trong năm	6.478.410.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>78.479.290.000</b>	<b>72.000.880.000</b>
Cổ tức lợi nhuận đã chi trong năm	4.320.052.800	-

#### 5.26.5 Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.200.088	7.200.088
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.200.088	7.200.088
• Cổ phiếu phổ thông	7.200.088	7.200.088
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bằng cổ tức	647.841	-
• Cổ phiếu phổ thông	647.841	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.847.929	7.200.088
• Cổ phiếu phổ thông	7.847.929	7.200.088
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

#### 5.27 Lợi ích của cổ đông thiểu số

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp VND	Vốn thực góp tại ngày 31/12/2014 VND
Vốn góp tại công ty con	130.000.000.000	130.000.000.000
Trong đó:		
• Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	69.289.000.000	69.289.000.000
• Cổ đông thiểu số	60.711.000.000	60.711.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	46,70%	46,70%

Chi tiết phần sở hữu của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn góp của cổ đông thiểu số VND	Lợi nhuận của cổ đông thiểu số VND	Cộng VND
Vốn góp và lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số tại ngày mua công ty con	60.711.000.000	328.197.986	61.039.197.986
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số trong năm	-	(3.331.545.536)	(3.331.545.536)
	<b>60.711.000.000</b>	<b>(3.003.347.550)</b>	<b>57.707.652.450</b>



**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu – hoạt động xây dựng	85.507.064.742	116.387.790.508
Doanh thu – cung cấp hàng hóa và dịch vụ	50.567.982.443	15.117.788.615
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>136.075.047.185</b>	<b>131.505.579.123</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn – hoạt động xây dựng	69.465.856.210	96.196.295.441
Giá vốn – cung cấp hàng hóa và dịch vụ	35.133.614.836	8.057.724.190
	<b>104.599.471.046</b>	<b>104.254.019.631</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	45.797.485	335.807.799
Lãi từ hợp nhất	85.591.717	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.502.269	-
	<b>147.891.471</b>	<b>335.807.799</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	17.220.970.495	3.504.709.665
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.063.353	-
	<b>17.236.033.848</b>	<b>3.504.709.665</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	637.725.890	-
Chi phí đồ dùng, vật liệu	1.707.270	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.521.994	-
Chi phí khác	386.773.554	34.881.355
	<b>1.145.728.708</b>	<b>34.881.355</b>

#### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	5.460.324.500	4.283.839.000
Chi phí đồ dùng, vật liệu	153.618.719	39.398.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	777.187.641	334.536.060
Thuế, phí, lệ phí	591.088.526	472.234.771
Chi phí dự phòng	266.863.085	333.329.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.526.215	351.398.884
Chi phí khác	3.364.395.594	3.948.744.489
	<b>11.046.004.280</b>	<b>9.763.481.901</b>

#### 6.7 Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	27.272.727
Điều chỉnh các khoản thuế phải nộp (*)	2.263.482.232	-
Thu nhập khác	1.044.125.892	47.811.688
	<b>3.307.608.124</b>	<b>75.084.415</b>

(\*)Việc điều chỉnh các khoản thuế phải nộp được ghi nhận theo Quyết định số 249/QĐ-CT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 1284/QĐ-CT ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty.

	Ghi nhận theo Quyết định số 1284/QĐ-CT VND	Ghi nhận theo Quyết định số 249/QĐ-CT VND	Chênh lệch VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.186.991.870	126.671.887	504.060.649
Thuế TNDN phải nộp	630.732.536	86.272.727	1.100.719.143
Phạt vi phạm hành chính	804.077.021	145.374.581	658.702.440
	<b>2.621.801.427</b>	<b>358.319.195</b>	<b>2.263.482.232</b>

#### 6.8 Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.186.991.870
Thuế TNDN phải nộp	-	630.732.536
Phạt vi phạm hành chính	-	804.077.021
Chi phí khác	235.598.334	199.083.278
	<b>235.598.334</b>	<b>2.820.894.705</b>



**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.574.315.443	11.448.961.982
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
• Chi phí không được khấu trừ	330.596.520	4.463.008.825
• Lỗ tại công ty con	7.133.812.977	-
• Lỗ trong công ty liên kết	-	89.522.098
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
• Giảm các khoản thuế phải nộp bổ sung	(2.263.482.232)	-
• Lãi trong công ty liên kết	(306.604.879)	-
• Lãi từ hợp nhất	(85.591.717)	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>10.383.046.112</b>	<b>16.001.492.905</b>
Thuế suất thuế TNDN tính theo thuế xuất phổ thông	2.284.270.145	4.000.373.226
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	(400.000.000)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.284.270.145</b>	<b>3.600.373.226</b>

**6.10 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	(3.331.545.536)	-
	<b>(3.331.545.536)</b>	<b>-</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.621.590.834	7.538.110.854
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.621.590.834	7.538.110.854
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.233.811	7.200.088 CP
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>915 VND/CP</b>	<b>1.047 VND/CP</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	27.297.919.749	24.700.595.638
Chi phí nhân công	14.347.414.701	15.692.899.010
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.911.722.322	989.982.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.764.194.976	58.816.918.911
Chi phí bằng tiền khác	11.469.952.286	13.851.986.368
<b></b>	<b>116.791.204.034</b>	<b>114.052.382.887</b>

## 7. Công cụ tài chính

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### i. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### ii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.



Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản vay và nợ	46.740.694.693	250.190.165.798	296.930.860.491
Phải trả người bán	21.277.325.523	-	21.277.325.523
Chi phí phải trả	12.684.056.658	-	12.684.056.658
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.519.390.693	218.050.000	1.737.440.693
	<b>82.221.467.567</b>	<b>250.408.215.798</b>	<b>332.629.683.365</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Các khoản vay và nợ	27.429.570.996	416.849.500	27.846.420.496
Phải trả người bán	15.411.598.890	-	15.411.598.890
Chi phí phải trả	11.244.635.977	-	11.244.635.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.615.247.323	218.050.000	26.833.297.323
	<b>80.701.053.186</b>	<b>634.899.500</b>	<b>81.335.952.686</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### iii. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tài sản tài chính ngắn hạn				
<i>Phải thu khách hàng</i>	19.814.941.095	39.030.852.035	19.814.941.095	39.030.852.035
<i>Phải thu khác</i>	1.970.405.344	29.843.663.730	1.970.405.344	29.843.663.730
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	17.295.891.603	16.314.218.979	17.295.891.603	16.314.218.979
Tài sản tài chính dài hạn				
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.331.238.042</b>	<b>86.323.468.122</b>	<b>39.331.238.042</b>	<b>85.438.734.744</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ	296.930.860.491	27.846.420.496	296.930.860.491	27.846.420.496
Phải trả người bán	21.277.325.523	15.411.598.890	21.277.325.523	15.411.598.890
Chi phí phải trả	12.684.056.658	11.244.635.977	12.684.056.658	11.244.635.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.737.440.693	26.833.297.323	1.737.440.693	26.833.297.323
<b>Tổng cộng</b>	<b>332.629.683.365</b>	<b>81.335.952.686</b>	<b>332.629.683.365</b>	<b>81.335.952.686</b>

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1. Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị trong báo cáo tài chính cho các năm 2013 và 2014 được căn cứ trên số liệu sổ sách kế toán của Công ty.

	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	1.311.444.000	1.264.519.000
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	200.000.000	237.000.000
	<b>1.511.444.000</b>	<b>1.501.519.000</b>

### 9.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Công ty có phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

#### Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA

Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Các khoản chi trả hộ	35.988.600	21.771.000

#### Công ty TNHH Nhật Linh

Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Doanh thu xây lắp công trình	1.209.436.405	5.102.461.435
Doanh thu cho thuê mặt bằng	256.899.502	-
Thu tiền xây lắp công trình	-	1.723.474.600
Mua vật tư	13.250.250	4.170.418.346
Trả tiền mua vật tư	-	3.515.537.722
Điều chuyển nợ	-	7.700.000.000
Cần trừ công nợ	20.777.248.427	-
Trả lại hàng	154.334.293	-
Chuyển số tiền trả trước mua tài sản sang phải trả khác	-	20.000.000.000
Tiền chi hộ phải thu	-	26.496.472

#### Số dư với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Nhật Linh	6.425.147.885	25.589.426.815
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA	11.515.000	11.515.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu khác		
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA – chi hộ	410.142.619	374.154.019
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Nhật Linh – mua hàng hóa, vật tư	-	932.440.874
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA – mua hàng hóa	231.963.436	229.824.331
Phải trả khác		
Công ty TNHH Nhật Linh - mượn tiền	-	20.000.000.000

### 9.3. Các cam kết

Cam kết góp vốn đầu tư

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn còn phải góp tại 31/12/2014 VND
		Số tiền VND	Tỷ lệ %	
Công ty cổ phần Điện địa nhiệt LIOA	100.000.000.000	20.000.000.000	20,00	14.364.050.627

### 9.4. Số liệu so sánh

Các số liệu đầu năm 01 tháng 01 năm 2014 là số liệu căn cứ theo Báo cáo riêng của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 đã được kiểm toán. Một vài số liệu được sắp xếp lại và trình bày cho phù hợp với việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khoản mục	Ghi chú trên thuyết minh BCTC	Trình bày lại số dư 01/01/2014 VND	Báo cáo kiểm toán riêng 31/12/2013 VND	Chênh lệch VND
-----------	-------------------------------	---------------------------------------	---	-------------------

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.14	40.342.227.251	40.587.949.373	(245.722.122)
Lợi nhuận chưa phân phối	4.27	7.292.388.732	7.538.110.854	(245.722.122)

Trình bày lại khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

HỒ NGỌC QUỐC THÁI  
Người lập biểu

LÊ NGỌC ANH  
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN DUY  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Ho Chi Minh City Head Office  
2/F Indochina Park Tower,  
No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street,  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : +84 82 2200 237  
Fax: +84 82 2200 265  
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Ha Noi City Office  
No. 93/B1, Cau Giay Street,  
Quan Hoa Ward,  
Cau Giay District, Ha Noi City, Vietnam  
Tel : +84 43 7670 657  
Fax: +84 43 7670 555  
Email: pkf.afchn@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho City Office  
No. 237A5, 30-4 Street, Hung Loi Ward,  
Ninh Kieu District,  
Can Tho City, Vietnam  
Tel : +84 710 382 7888  
Fax: +84 710 382 3209  
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn